Signature Not Verified
Được ký bởi NGUYỄN NGỌC THẢO
Ngày ký: 31.07.2013 08:37

CTY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN
53/1D Lý Thường Kiệt, Thị Trấn Hóc Môn, TPHCM
---oOo---

MẪU SỐ B 09 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ II - NĂM 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP :

1- Hình thức sở hữu vốn :

Là công ty cổ phần được thành lập, dưới hình thức chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Thương mại - đầu tư tổng hợp Hóc Môn thành Công ty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn, theo Quyết định số 7508/QĐ-UB ngày 14/11/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000761 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần thứ nhất ngày 31/12/2001 và Giấy chứng đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0302481483 thay đổi lần 7 ngày 25/11/2011.

2- Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại - Xuất nhập khẩu - Xây dựng - Kinh doanh bất động sản .

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Bán buôn và bán lẻ hàng công nghệ phẩm, thực phẩm, hàng tiêu dùng, nông hải sản.
- Kinh doanh và cung ứng vật tư - kỹ thuật : xăng, dầu, nhớt, mỡ công nghiệp, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị phụ tùng nông nghiệp, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh hàng nông lâm thủy hải sản, thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp, hàng mỹ nghệ để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, vật tư, nguyên nhiên liệu và hàng hóa. Dịch vụ xuất nhập khẩu.
- Xây dựng (dân dụng, công nghiệp, giao thông công chánh) và kinh doanh bất động sản
- Mua bán vật tư bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật.
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, dịch vụ karaoke, dịch vụ sinh hoạt, dịch vụ du lịch.
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà trọ.
- Vận tải xăng dầu đường bộ
- Giết mỗ gia súc, Cho thuê mặt bằng, văn phòng, kho, ki-ốt

4- Số lượng công ty con được hợp nhất Báo cáo Tài Chính gồm :

*** Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn**

Địa chỉ : 14/7 A Nguyễn Thị Sóc - Xã Xuân Thới Đông - Huyện Hóc Môn - TP.Hồ Chí Minh

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; và các thông tư, hướng dẫn, sửa đổi bổ sung chế độ kế toán hiện hành của Bộ Tài Chính.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương Mại Hóc Môn cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

3- Hình thức kế toán áp dụng : **nhật ký chung**

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền : được ghi nhận theo giá gốc

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : căn cứ vào các chứng thư có giá trị thuộc quyền sở hữu của Công ty như kỳ phiếu ngân hàng, tín phiếu kho bạc . . . có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo.

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán : Đồng tiền sử dụng trong hạch toán kế toán của công ty là đồng Việt Nam. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho :

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho : được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ : Nhập trước - xuất trước.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên -
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : vào thời điểm khóa sổ công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ :

+ Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế

+ Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ :

+ Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT/BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

+ Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Loại Tài sản	Thời hạn
Nhà cửa – vật kiến trúc	07 - 50 năm
Máy móc thiết bị	06 - 07 năm

Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Dụng cụ quản lý	05 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư :

+ Bất động sản đầu tư được xác định theo nguyên giá thực tế đầu tư xây dựng

+ Nguyên giá bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng và các chi phí khác liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

+ Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá Bất động sản theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT/BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

+ Thời gian khấu hao hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư :

Loại Bất động sản đầu tư	**Thời hạn**
Nhà lồng chợ + Hạ tầng kỹ thuật	10 - 25 năm
San lấp mặt bằng	50 năm

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát : được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn : theo giá gốc

- Phương pháp lập dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn : theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài Chính về trích lập dự phòng tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay :

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh

- Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước của công ty chủ yếu là những chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng …được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ, thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.

- Phương pháp phân bổ : Theo phương pháp đường thẳng đối với từng khoản chi phí cụ thể.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận là giá trị được ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : là số vốn thực góp của chủ sở hữu

+ Thặng dư vốn cổ phần : là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu.

+ Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế : Theo điều lệ của công ty và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

11- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu :

- Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau :

+ Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua, và xác định phần công việc đã hoàn thành.

+ Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

+ Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ.

- Doanh thu bán hàng : theo chuẩn mực kế toán 14 và các chuẩn mực khác có liên quan, và phải theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ :

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn :

+Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó .

+Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu hoạt động xây dựng :

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính : hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

- Chi phí thuế thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không bù trừ.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

15- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước.

- Các khoản mục thuế thể hiện trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh là tổng số thuế dự kiến phải nộp cho niên độ báo cáo. Theo quy định số thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản chênh lệch theo số quyết toán sẽ được điều chỉnh ngay khi có kết quả quyết toán thuế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01- Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.1 Tiền mặt :	**3.903.072.365**	**1.562.278.086**
1.2 Tiền gửi ngân hàng :	**27.681.333.043**	**52.716.137.214**
1.21 Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	**10.681.333.043**	**17.116.137.214**
Trong đó :		
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT :	4.808.906.333	23.900.000.000
- Ngân hàng TMCP Saigon Thương Tín :	4.521.616.564	11.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	1.042.946.130	95.154.129
- Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam	151.759.721	242.100.705
- Các ngân hàng khác	156.104.295	76.988.566
1.22 Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng	**17.000.000.000**	**35.600.000.000**
Trong đó :		
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT :	14.000.000.000	23.900.000.000
- Ngân hàng TMCP Saigon Thương Tín :	3.000.000.000	11.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam		700.000.000
Cộng	**31.584.405.408**	**54.278.415.300**

Tiền mặt giảm trong kỳ là do Công ty đầu tư vào việc mua quyền sử dụng đất (chi tiết tại mục V.10) và đầu tư ngắn hạn (chi tiết tại mục V.02)

02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn :	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Tri Giá	Số lượng	Tri Giá
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		1.200.074.340		1.200.074.340
+ *Cổ phiếu KHA*	*50.000*	*1.200.074.340*	*50.000*	*1.200.074.340*
- Đầu tư ngắn hạn khác		16.200.000.000		-
+ *Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng :*		*16.200.000.000*		-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(585.050.000)		(530.050.000)
Cộng		**16.815.024.340**		**670.024.340**

03- Các khoản phải thu ngắn hạn khác :	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Lãi tiền gửi ngân hàng chưa đến hạn :	298.608.267	225.427.700
- Phải thu khác:	53.399.649	50.784.014
Cộng	**352.007.916**	**276.211.714**

04- Hàng tồn kho :	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang :	142.698.082.959	134.831.322.336
trong đó :		
+ Dự án Trung tâm thương mại và chung cư cao tầng Hóc Môn	62.044.551.456	60.137.083.071
+ Dự án Khu Dân cư 5 ha	80.646.401.503	74.513.910.503
- Hàng hóa :	11.497.081.369	5.987.076.518
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**154.195.164.328**	**140.818.398.854**

05- Thuế và các khoản phải thu nhà nước :		
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa :	58.837.331	157.084.887
- Các khoản khác phải thu Nhà nước :	-	
Cộng	**58.837.331**	**157.084.887**

07- Phải thu dài hạn khác:

08- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình :

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	**11.129.134.510**	**10.103.067.565**	**2.514.404.758**	**319.597.465**	**24.066.204.298**
- Mua trong kỳ	506.516.045	264.866.364		-	771.382.409
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	0
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	0
- Giảm khác	360.775.205	1.475.179.898	-	202.971.465	2.038.926.568
Số dư cuối kỳ	**11.274.875.350**	**8.892.754.031**	**2.514.404.758**	**116.626.000**	**22.798.660.139**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	**6.096.905.672**	**5.280.113.649**	**2.250.144.332**	**275.539.327**	**13.902.702.980**
- Khấu hao trong kỳ	478.251.986	588.726.115	107.249.382	30.084.041	1.204.311.524
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	0	-	-	0
- Giảm khác	364.090.863	1.309.626.407	-	188.997.368	1.862.714.638
Số dư cuối kỳ	**6.211.066.795**	**4.559.213.357**	**2.357.393.714**	**116.626.000**	**13.244.299.866**
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày đầu năm	**5.032.228.838**	**4.822.953.916**	**264.260.426**	**44.058.138**	**10.163.501.318**
- Tại ngày cuối kỳ	**5.063.808.555**	**4.333.540.674**	**157.011.044**	**0**	**9.554.360.273**

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay : không

* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : **3.133.108.873 đồng**

09 Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình :

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu năm	**4.981.870.127**	**0**	**0**	**0**	**4.981.870.127**
- Mua trong kỳ	7.091.798.494	0			7.091.798.494
- Tăng khác					0
- Chuyển sang BĐS đầu tư					0
- Thanh lý, nhượng bán					0
- Giảm khác					0
Số dư cuối kỳ	**12.073.668.621**	**0**	**0**	**0**	**12.073.668.621**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	**780.396.576**	**0**	**0**	**0**	**780.396.576**
- Khấu hao trong kỳ	185.463.261	0	0	0	185.463.261
- Tăng khác					0
- Thanh lý, nhượng bán		0	0	0	0
- Giảm khác		0			0
Số dư cuối kỳ	**965.859.837**	**0**	**0**	**0**	**965.859.837**
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
- Tại ngày đầu năm	**4.201.473.551**	**0**	**0**	**0**	**4.201.473.551**
- Tại ngày cuối kỳ	**11.107.808.784**	**0**	**0**	**0**	**11.107.808.784**

- Trong quý 1 - 2013 công ty đã mua chỉ định mặt bằng Kho Tân Xuân với diện tích 547 m2 (Quốc Lộ 22 xã Tân Xuân Hóc Môn) theo QĐ 5742/QĐ.UBND của UBND thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/11/2012

- Khấu hao tăng trong kỳ là chi phí khấu hao quyền sử dụng đất có thời hạn.

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tổng số chi phí XDCB dở dang :	**42.081.875.642**	**41.953.452.364**
Trong đó :		
* Dự án chợ đầu mối Tân Xuân :	13.941.325.315	13.941.325.315
* Cửa hàng xăng dầu Số 03 Đông Thạnh	30.000.000	30.000.000
* Dự án Lò mổ Gia súc :	28.110.550.327	27.970.653.600

12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư :

Khoản mục	Nhà lồng chợ rau	Nhà lồng chợ thịt	Kho mát	Cơ sở hạ tầng	Tổng cộng
Nguyên giá BĐS đầu tư					
1.Số dư đầu năm	**13.483.790.769**	**7.633.327.066**	**2.109.255.380**	**25.561.762.041**	**48.788.135.256**
2.Tăng trong kỳ	0	0	0	0	0
3.Giảm trong kỳ	0	0	0	0	0
4.Số dư cuối kỳ	**13.483.790.769**	**7.633.327.066**	**2.109.255.380**	**25.561.762.041**	**48.788.135.256**
Giá trị hao mòn lũy kế					
1.Số dư đầu năm	**4.629.434.830**	**1.565.381.997**	441.381.224	**2.554.720.216**	**9.190.918.267**
2.Tăng trong kỳ	269.675.814	152.666.544	175.771.284	173.066.034	771.179.676
3.Giảm trong kỳ	0	0	0	0	0
4.Số dư cuối kỳ	**4.899.110.644**	**1.718.048.541**	**617.152.508**	**2.727.786.250**	**9.962.097.943**
Giá trị còn lại của BĐS đầu tư					
1.Số dư đầu năm	**8.854.355.939**	**6.067.945.069**	**1.667.874.156**	**23.007.041.825**	**39.597.216.989**
2.Tăng trong kỳ	0	0	0	0	0
3.Giảm trong kỳ	262.641.030	142.164.522	142.164.522	186.915.438	733.885.512
2.Số dư cuối kỳ	**8.584.680.125**	**5.915.278.525**	**1.492.102.872**	**22.833.975.791**	**38.826.037.313**

Trong đó nguồn vốn ngân sách cấp là **15.799.466.192 đồng**

Đến ngày 30/06/2013 dự án Chợ Đầu mối Tân Xuân đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt nguồn vốn đầu tư cho 11/12 hạng mục đã đưa vào sử dụng.

13- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a- Đầu tư vào công ty con	0	0
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	0	0
b- Đầu tư dài hạn khác :	8.319.979.545	8.319.979.545
- Thành lập Cty CP BĐS Bến Thành Đức Khải :	*1.500.000.000*	*1.500.000.000*
- Góp vốn vào Dự án Chung cư Khánh Hội 4 :	*6.819.979.545*	*6.819.979.545*
Cộng	**8.319.979.545**	**8.319.979.545**

14- Chi phí trả trước dài hạn.	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí công cụ dụng cụ	82.162.051	0
- Chi phí in Vé nhập chợ :	254.578.000	130.483.500
- Hệ thống cấp điện Chợ ĐM-NSTP HM	246.850.310	299.746.802
Cộng	**583.590.361**	**430.230.302**

15- Vay và nợ ngắn hạn		
- Vay ngắn hạn	3.000.000.000	0
- Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0
Cộng	**3.000.000.000**	**0**

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	674.296.030	1.203.959.961
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.279.716	1.013.283
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.787.153.457	1.697.628.403
- Thuế thu nhập cá nhân	106.006.399	0
- Tiền thuê đất	0	5.307.310
- Thuế tài nguyên	2.773.560	2.873.070
Cộng	**2.571.509.162**	**2.910.782.027**

17- Chi phí phải trả

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác :	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn :	112.269.972	76.457.543
- Bảo hiểm xã hội :	75.936.896	63.392.812
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	282.000.000	282.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác : trong đó	46.067.387.171	41.782.803.517
** Cty CP XNK Khánh Hội góp vốn đầu tư dự án 5 ha*	*42.635.556.168*	*39.549.949.768*
Cộng	**46.537.594.039**	**42.204.653.872**

21- Tài sản thuế TN hoãn lại và thuế TN hoãn lại phải trả : khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm.		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại :		
b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		

22- Vốn chủ sở hữu :

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu :

KHOẢN MỤC	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	**52.500.000.000**	**19.078.135.664**	**3.626.000.000**	**23.520.402.371**	**98.724.538.035**
- Tăng vốn trong năm trước		11.988.596.629	1.093.000.870	23.904.128.248	36.985.725.747
- Lãi trong năm (sau thuế)				0	0
- Tăng khác					0
- Giảm vốn trong năm trước				16.531.509.615	16.531.509.615
- Lỗ trong năm trước					0
- Chi cổ tức	0	0	0	11.550.000.000	11.550.000.000
- Giảm khác		0	0	0	0
Số dư cuối năm trước	**52.500.000.000**	**31.066.732.293**	**4.719.000.870**	**19.343.021.004**	**107.628.754.167**
Số dư đầu năm nay	**52.500.000.000**	**31.066.732.293**	**4.719.000.870**	**19.343.021.004**	**107.628.754.167**
- Tăng vốn trong kỳ năm nay	0	9.666.999.165	530.999.130	0	10.197.998.295
- Lãi trong kỳ năm nay	0	0	0	11.951.870.136	11.951.870.136
- Tăng khác		0	0	0	0
- Giảm vốn trong kỳ năm nay	0	0	0	15.995.037.339	15.995.037.339
- Lỗ trong kỳ		0	0	0	0
- Chi cổ tức	0	0	0	2.625.000.000	2.625.000.000
- Giảm khác	0	0	0	0	0
Số dư cuối kỳ năm nay	**52.500.000.000**	**40.733.731.458**	**5.250.000.000**	**12.674.853.801**	**111.158.585.259**

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của nhà nước	13.121.500.000	13.121.500.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	39.378.500.000	39.378.500.000
Cộng	**52.500.000.000**	**52.500.000.000**

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	52.500.000.000	52.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp cuối kỳ	52.500.000.000	52.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	11.550.000.000
+ Chi năm 2011		*6.300.000.000*
+ Chi năm 2012	*2.625.000.000*	*5.250.000.000*

d- Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.250.000	5.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.250.000	5.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	5.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.250.000	5.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	5.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
** Mệnh giá cổ phiếu*	*10.000 đ/cổ phiếu*	*10.000 đ/cổ phiếu*

e- Các quỹ của doanh nghiệp	**45.983.731.458**	**35.785.733.163**
- Quỹ đầu tư phát triển	40.733.731.458	31.066.732.293
- Quỹ dự phòng tài chính	5.250.000.000	4.719.000.870

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của DN
Các quỹ trên được sử dụng vào các mục đích theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, và theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

f- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể :

	Năm nay	Năm trước
23- Nguồn kinh phí :		
-Nguồn kinh phí ngân sách cấp của dự án Chợ đầu mối Tân Xuân	**28.945.618.645**	**28.945.618.645**
Trong đó :		
- *Hạng mục chi phí đền bù :*	*13.840.091.259*	*13.840.091.259*
- *Hạng mục hạ tầng kỹ thuật, hệ thống xử lý nước thải, trạm ép rác ...*	*15.049.409.386*	*15.049.409.386*

24- Tài sản thuê ngoài

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm đến quý này	
	Quý II - 2013	Quý II - 2012	Năm 2013	Năm 2012
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	**209.788.732.539**	**197.882.395.615**	**449.007.358.749**	**397.348.401.732**
Trong đó :				
+ ***Doanh thu bán hàng***	***190.599.910.700***	***179.643.434.699***	***407.434.153.285***	***361.448.159.378***
* Xăng dầu, nhớt các loại :	189.886.409.227	178.947.978.612	405.965.014.736	359.847.898.375
* Hàng ăn uống :	697.639.100	687.479.103	1.431.589.104	1.579.613.650
* Hàng khác :	15.862.373	7.976.984	37.549.445	20.647.353
+ ***Doanh thu bán thành phẩm***	***0***	***2.094.240.602***	***4.667.781.855***	***4.647.824.378***
* Bán nền dự án Khu Dân cư	0	2.094.240.602	4.667.781.855	4.647.824.378
* Bán dự án Trung tâm TM Hóc Môn	0	0	0	0
+ ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***	***18.375.128.364***	***15.350.529.112***	***35.276.936.659***	***29.645.358.300***
* Gia công giết mỗ gia súc :	1.956.810.800	1.545.988.800	3.750.910.000	3.087.217.600
* Chi thuê mặt bằng	996.511.610	799.452.703	1.902.940.675	1.450.458.133
* Doanh thu hoạt động chợ	15.421.805.954	13.005.087.609	29.623.085.984	25.107.682.567
+ ***Doanh thu cho thuê BĐS đầu tư***	***813.693.475***	***794.191.202***	***1.628.486.950***	***1.607.059.676***
* Chợ Rau	427.043.475	421.588.929	854.086.950	843.177.858
* Chợ thịt	386.650.000	372.602.273	774.400.000	763.881.818
26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	**4.009.089**	**4.244.056**	**6.461.535**	**6.960.838**
Trong đó :				
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.009.089	4.244.056	6.461.535	6.960.838
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10), trong đó :	**209.784.723.450**	**197.878.151.559**	**449.000.897.214**	**397.341.440.894**
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hóa	190.595.901.611	179.639.190.643	407.427.691.750	361.441.198.540
+ Doanh thu thuần trao đổi thành phẩm	0	2.094.240.602	4.667.781.855	4.647.824.378
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	19.188.821.839	16.144.720.314	36.905.423.609	31.252.417.976
28- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)				
- ***Giá vốn của hàng hóa đã bán***	***193.095.732.942***	***183.193.845.623***	***412.582.486.881***	***367.138.426.011***
+ Xăng dầu, nhớt các loại :	185.720.870.140	176.476.561.513	398.600.526.085	354.257.788.182
+ Hàng ăn uống :	427.876.261	432.150.762	874.460.577	979.933.928
+ Hoạt động chợ	6.932.566.202	6.277.881.544	13.073.364.360	11.881.933.580
+ Hàng khác :	14.420.339	7.251.804	34.135.859	18.770.321
- ***Giá vốn bán nền***	***0***	***411.903.912***	***824.479.649***	***904.576.224***
- ***Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư***	***403.698.475***	***290.948.206***	***795.550.585***	***583.285.575***
- ***Hao hụt mất mát hàng tồn kho***	***406.670.791***	***346.303.267***	***802.486.359***	***729.868.342***
Cộng	**193.906.102.208**	**184.243.001.008**	**415.005.003.474**	**369.356.156.152**

	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm đến quý này	
29- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	**Quý II - 2013**	**Quý II - 2012**	**Năm 2013**	**Năm 2012**
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	740.790.271	1.233.295.212	1.374.569.926	2.153.543.941
- Lãi Cổ tức, công trái	25.000.000	25.000.000	48.750.000	50.000.000
- Lãi kỳ phiếu, cổ phiếu :		-		-
- Lãi bán hàng trả chậm	71.470.484	99.335.101	139.242.049	225.649.545
Cộng	**837.260.755**	**1.357.630.313**	**1.562.561.975**	**2.429.193.486**

30- Chi phí tài chính (Mã số 22)	**Quý II - 2013**	**Quý II - 2012**	**Năm 2013**	**Năm 2012**
- Lãi tiền vay	-	17.083.333	11.980.000	44.994.444
- Dự phòng giảm giá đầu tư CK ngắn hạn :	5.000.000	15.000.000	55.000.000	(75.000.000)
Cộng	**5.000.000**	**32.083.333**	**66.980.000**	**(30.005.556)**

31- Chi phí thuế TNDN hiện hành (Mã số 51)	**Quý II - 2013**	**Quý II - 2012**	**Năm 2013**	**Năm 2012**
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.824.037.548	1.646.010.727	4.009.657.057	3.389.665.148
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**1.824.037.548**	**1.646.010.727**	**4.009.657.057**	**3.389.665.148**

32- Chi phí bán hàng :	**Quý II - 2013**	**Quý II - 2012**	**Năm 2013**	**Năm 2012**
32.1 Chi phí nhân công :	4.258.272.921	2.943.865.469	7.983.475.566	6.052.405.662
32.2 Chi phí vật liệu :	88.877.519	72.635.068	172.016.466	147.695.242
32.3 Chi phí công cụ, dụng cụ :	131.879.345	11.410.471	154.618.665	47.776.471
32.4 Chi phí khấu hao tài sản cố định :	473.026.010	522.329.063	938.934.626	1.046.910.257
32.7 Chi phí dịch vụ mua ngoài :	1.207.731.777	1.096.033.497	2.310.269.132	2.023.967.525
32.8 Chi phí khác bằng tiền :	238.070.349	243.677.373	395.518.679	430.039.721
Cộng	**6.397.857.921**	**4.889.950.941**	**11.954.833.134**	**9.748.794.878**

33- Chi phí quản lý doanh nghiệp :	**Quý II - 2013**	**Quý II - 2012**	**Năm 2013**	**Năm 2012**
33.1 Chi phí nhân công :	1.697.966.967	2.726.862.031	5.041.605.810	5.671.411.260
33.2 Chi phí vật liệu quản lý :	49.494.469	25.162.340	75.933.106	63.589.903
33.3 Chi phí công cụ, dụng cụ :	54.490.380	15.363.600	81.045.076	19.113.417
33.4 Chi phí khấu hao tài sản cố định :	227.100.524	204.157.147	447.524.499	407.613.377
33.5 Thuế, phí và lệ phí	509.875.520	24.205.700	770.904.512	49.445.700
33.6 Chi phí dự phòng	0	0	0	-60.000.000
33.7 Chi phí dịch vụ mua ngoài :	168.200.879	143.504.918	303.130.922	266.505.461
33.8 Chi phí khác bằng tiền :	371.310.239	404.998.528	888.124.994	824.910.062
Trong đó - *Thù lao của HĐQT & Thư ký*	*102.000.000*	*98.000.000*	*204.000.000*	*188.000.000*
- *Thù lao của Ban Kiểm Soát*	*33.000.000*	*33.000.000*	*66.000.000*	*66.000.000*
- *Chi phí khác :*	*164.148.868*	*273.998.528*	*618.124.994*	*570.910.062*
Cộng	**3.078.438.978**	**3.544.254.264**	**7.608.268.919**	**7.242.589.180**

VII-NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm :

3- Mối quan hệ với các bên hữu quan :

Bên hữu quan	Mối liên hệ	Nội dung	Số tiền
Công Ty TNHH Quản lý và kinh doanh Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn	Công ty con (Cty cổ phần Thương mại Hóc Môn chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ)	Góp vốn	1.400.000.000
		Khoản phải thu	2.053.037.090
		Doanh thu	25.687.484
		Giá vốn	18.108.637
		Chi phí	7.578.847

4- Những thông tin bổ sung khác

4.1 Tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	**Số đầu năm**
Tài sản tài chính		
Đầu tư vào công ty niêm yết	615.024.340	670.024.340
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.584.405.408	54.278.415.300
Phải thu khách hàng	12.062.485.540	6.147.016.653
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(28.100.000)	(28.100.000)
Trả trước cho người bán	7.318.914.190	8.307.310.163
Các khoản phải thu khác	352.007.916	276.211.714
Cộng	**51.904.737.394**	**69.650.878.170**
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	17.576.348.692	18.221.806.393
Người mua trả tiền trước	7.521.295.284	4.706.481.639
Phải trả khác	46.787.462.372	42.454.522.205
Cộng	**71.885.106.348**	**65.382.810.237**

4.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban điều hành thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro của Công ty , thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạng mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạng mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

4.2.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường đối với hoạt động của Công ty bao gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

1- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

2- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

3- Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Công ty có rủi ro về giá cả nguyên vật liệu xây dựng do thực hiện các công trình xây dựng. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm.

4.2.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

1- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước tiền đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

2- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp

4.2.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro của Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc Ngân hàng nhà nước thắt chặt tiền tệ, cụ thể như tăng lãi suất cho vay, hạn chế tín dụng, làm cho khách hàng của Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho Công ty.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của công ty dựa vào các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng :

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Phải trả cho người bán	17.576.348.692		17.576.348.692
Người mua trả tiền trước	7.521.295.284		7.521.295.284
Các khoản phải trả khác	3.902.037.871	42.885.424.501	46.787.462.372
Cộng	**28.999.681.847**	**42.885.424.501**	**71.885.106.348**
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	18.221.806.393		18.221.806.393
Người mua trả tiền trước	4.706.481.639		4.706.481.639
Các khoản phải trả khác	2.654.704.104	39.799.818.101	42.454.522.205
Cộng	**25.582.992.136**	**39.799.818.101**	**65.382.810.237**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

Lợi nhuận sau thuế TNDN **quý II năm 2013** của công ty thực hiện **5.434.187.124 đồng,** tăng **10,90%** so với thực hiện cùng kỳ năm 2012 nguyên nhân chủ yếu là do :

- Thù lao bán hàng của các đơn vị đầu mối xăng dầu áp dụng cho công ty cao hơn đã làm lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm trước

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tại Chợ đầu mối NSTP Hóc Môn tăng 16,47 % so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do điều chỉnh đơn giá dịch vụ cho thuê mặt bằng, giữ xe tại chợ .

6- Thông tin về hoạt động liên tục

7- Những thông tin khác

Lập ngày 31 tháng 07 năm 2013

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
VÕ THỊ KIM NGÂN	LÊ THỊ MỘNG ĐIỆP	LÊ VĂN MỴ